

SĂN BẮT CHIM MUÔNG VÀ TỈN NG- ỜNG LIÊN QUAN CỦA NG- ỜI CƠ-TU

LƯU HÙNG

Ng- ời Cơ-tu Việt Nam sinh sống ở tây bắc tỉnh Quảng Nam và tây nam tỉnh Thừa Thiên – Huế. Mặc dù nguồn sống chính của họ là trồng lúa rẫy, nh- ng săn bắt đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống. Hoạt động săn bắt không chỉ nhằm bảo vệ mùa màng, mà còn đem lại nguồn thực phẩm cần thiết đáp ứng nhu cầu th- ờng ngày trong gia đình cũng nh- phục vụ các dịp lễ hội của cộng đồng dân làng.

Giữa thế kỷ XX trở về tr- ớc việc săn bắt rất phát triển, vì x- a kia vùng ng- ời Cơ-tu nhiều rừng rậm, lắm chim thú; hiện nay rừng đã giảm nhiều, không còn rừng già, chim thú bị săn đuổi và phiêu bạt, không còn nhiều nh- tr- ớc, thậm chí có những loài đã hiếm nh- gấu, hổ, sao la v.v.. Thêm vào đó, trong xã hội ngày nay, việc săn bắn bị hạn chế và có sự ngăn cấm để bảo vệ những loài động vật quý hiếm đang bị đe dọa tuyệt chủng.

Đàn ông Cơ-tu giỏi săn bắn và say mê với hoạt động này. Họ có nhiều kinh nghiệm đi rừng, am hiểu các loài chim muông và thiện nghệ dùng tên nỏ (tên có ngạnh và không có ngạnh, có hoặc không sử dụng thuốc độc), dáo và các loại cạm bẫy. Thời chống Mỹ, súng đạn trở thành công cụ đắc dụng và phổ biến để săn bắn, nh- ng những năm gần đây thực hiện việc thu hồi súng đạn nên họ trở lại với những công cụ săn bắn cổ truyền. Dáo Cơ-tu, t- ơng tự dáo của ng- ời Ta-ôi, chỉ có một kiểu, với mũi / l- ỡi mỏng và rất sắc bén, cán nhỏ và rất dài; đầu cán dáo cắm vào một ống sắt nhọn, nghĩa là dáo đâm đ- ọc cả 2 đầu. Cạm bẫy có nhiều kích cỡ và cấu tạo khác nhau, thích hợp để bắt đ- ọc các loại thú và chim một cách hiệu quả. Chẳng hạn, cũng là *thò* (còn gọi là mang cung) - một công cụ hoạt động theo nguyên tắc dùng lực đàn hồi của một chiếc cần khỏe để

phóng đi mũi tên nửa sắc nhọn cỡ to, th- ờng dùng tiêu diệt thú lớn - nh- ng tùy loại thú cụ thể mà họ đặt mũi tên đó (mũi thò) ở tầm cao hay thấp, sao cho khi phóng ra thì đâm trúng bụng hoặc ngực, tức là vùng hiểm của con vật.

Hình thức săn bắt cũng đa dạng. Có khi cả làng cùng tham gia một cuộc vây bắt lợn rừng; họ dựng hàng rào, gõ mõ khua chiêng và cùng với chó săn dồn đuổi lợn vào lồng đã bố trí để những ng- ời phục sẵn ở đó đâm. Săn bằng cách này (gọi là *groong*), dân làng Anonh ở xã Anông huyện Tây Giang có lần đã bắt đ- ọc cả đàn 6-7 con lợn. Ngoài cách săn tập thể này, có khi đi săn chỉ có một ng- ời hay một nhóm ng- ời và có thể đem theo cả chó săn. Vào mùa m- a, những ngày m- a to kéo dài, nắm đ- ọc đặc tính của lợn rừng là th- ờng làm ổ kín trú m- a, ng- ời ta đem dáo vào rừng, khéo léo phát hiện và tiếp cận rồi đâm; kiểu săn này đòi hỏi phải dày dặn kinh nghiệm mới có kết quả. Khi đi đặt bẫy, ng- ời Cơ-tu th- ờng đi lẻ một mình, hoặc bố con hay anh em trong nhà rủ nhau cùng đi.

□ vùng ng- ời Cơ-tu, săn bắn phần lớn đ- ọc lợn rừng, hoẵng (mang), sơn d- ơng, h- ơu, nai, gấu, khỉ, chồn, dúi, chuột, sóc, chim, gà rừng, v.v... Khi săn đ- ọc thú lớn từ cỡ con hoẵng trở lên, họ đem về ngôi nhà chung của làng (*g- ơl*) để cả dân làng cùng h- ờng. Nếu săn đ- ọc thú to, trên đ- ờng về, họ dừng lại nghỉ, thổi tù và báo tin vui. Tiếng tù và là thông tin báo cho mọi ng- ời trong làng biết về con thú. Nghe tiếng tù và, mọi ng- ời phấn khởi nổi chiêng trống đáp lại và chuẩn bị đón mừng. Trên sân *g- ơl*, quanh con vật đặt ở khu vực giữa nhà, dân làng thể hiện sự mừng vui thông qua điệu múa *dạ dạ* của nữ, nhịp trống chiêng của nam cùng những tiếng hú đồng thanh đầy phấn khích. Tục lệ chia thịt thú cho

mọi ng-ời trong làng (*chiêm cha chung*) vẫn tồn tại ở nhiều nơi. Khách cũng có phần. Đứa trẻ còn trong bụng mẹ cũng đ-ợc chia. Ng-ời ta không quên dành cho mỗi con chó săn một miếng. Ng-ời săn đ-ợc hoặc có công hạ sát con thú nhận riêng một thăn thịt hoặc một đuôi sau (tùy tập quán từng nơi). Mỗi khi săn bắn đ-ợc thú lớn cũng là dịp đàn ông trong làng tụ tập cùng nhau ăn uống tại *g-ol*. Trong tr-ờng hợp con thú nhỏ, hoặc không bõ chia thịt do làng quá đông, ng-ời ta có thể đem nấu cháo rồi chia. X-ong sợ của những con thú săn bắt đ-ợc đều đem gài theo dây ở mặt d-ới mái sau của *g-ol*, nhằm l-u giữ những kỷ vật săn bắn của làng; sự phong phú của những kỷ vật ấy là niềm tự hào của ng-ời Cơ-tu.

Riêng với gấu và hổ, có lẽ do 2 loài này đáng sợ nhất bởi sức mạnh và sự dữ tợn, nên ng-ời Cơ-tu ứng xử có phần đặc biệt, tránh gọi thẳng tên của chúng. Gấu là *anhêl*, nh-ng họ th-ờng gọi là *corbhaih* (cào xé), hoặc *xong xa* (biết trèo cao), hay *za-r-om*, *za-pơ*. Hổ là *agốt*, nh-ng gọi tránh: hổ lớn là *abh-óp* (ông), hay *abh-i* (ma), *vê vaih hom bắt* (bắt ng-ời); còn hổ bé là *hom biêng*, hay *porkir*, *to-nuh ajun*. X-a họ không dám bán hổ, nếu hổ trúng bẫy thì thịt hổ phải ăn tại rừng, không đem về làng.

Tuy có thể săn bắn quanh năm, nh-ng theo kinh nghiệm thực tế, ng-ời Cơ-tu săn bắn rộ vào mùa m-a là thời kỳ thú và chim xuất hiện nhiều, dễ săn bắt. Đó là mùa họ thu đ-ợc khối l-ợng lớn sản phẩm săn bắt hàng năm. Đặc biệt, trong các tháng tháng 9, 10, 11 và 12 (d-ong lịch), nam giới tập trung vào việc săn bắt, thậm chí nhiều ng-ời ở rừng nhiều hơn ở nhà (cho nên, việc thu hoạch lúa rẫy dồn cả cho phụ nữ). Tr-ớc đó, họ chuẩn bị chu đáo mọi thứ để b-ớc vào mùa săn bắt sôi nổi đây húng thú này. Chẳng hạn, một gia đình có thể chuẩn bị tới trên d-ới 100 chiếc cạm chuột, 300 - 400 que nhựa dính để bắt chim v.v.. Họ còn căn cứ vào lịch Cơ-tu cổ truyền để chọn ngày hoạt động săn bắt trong tháng. Theo đó, mùng 5 và 6 (*ca-lang loh* và *l-ch*

loh) cũng nh- ngày 25, 26 (*ca-lang lóóp*) và 30 (*hjum pa-ját*) chim thú xuất hiện nhiều, dễ săn bắt; nh-ng vào mùng 5 và 6 chúng dạn hơn và dữ tợn, cần cảnh giác với thú dữ và rắn độc; ngày 11, 12 (*ca-mách loh*) và 19, 20 (*ca-mách lóóp*) để bắt đ-ợc những con vật ở hang nh- trần, nhím, dúi v.v.; từ 13 đến 15 (*aviêr*, *corley*, *abh-op* hay *jornêl*) là những ngày dễ gặp chim và gấu.

Đáng chú ý, nam giới Cơ-tu có tài bắt chim bằng cách dùng loại nhựa lấy từ vỏ cây - *loong jih*. Tháng 10-11, khi lúa rẫy và quả cây chín nhiều, đó là mùa chim về. Hằng ngày, từ khoảng 4-5 giờ sáng, họ cắm trên cây hàng loạt thanh tre nhỏ và dài có phủ nhựa ở đoạn đầu, tạo thành một “trận địa”, kết hợp với bố trí sẵn con chim mồi (chim thật hoặc chim gỗ), rồi nắp kín gần đó để rình. Chim bay ngang qua, họ đ-a ngón tay út vào miệng huýt gió bắt ch-ớc đúng tiếng của chúng. Bị chú ý bởi âm thanh, lại trông thấy con chim mồi, lũ chim sẽ sà xuống, cánh bị dính vào các que nhựa rơi xuống đất và họ chỉ việc chạy ra bắt lấy. Họ th-ờng bắt yểng và ph-ợng hoàng đất bằng cách này, chủ yếu là bắt yểng. Để bắt một số loại chim khác, họ dùng quả chín thay cho chim mồi.

Trong rừng, ng-ời ta khổ công quan sát tìm ra đ-ờng chim hay bay qua, chọn lựa một cây cao ở vị trí thuận lợi và có thể dễ bày “trận địa” bẫy chim; đồng thời hạ thấp những cây cao khác xung quanh để làm cho chim dễ bị thu hút vào cây đã chọn đó; lại phải biết chặt bỏ một số cành, sao cho chim khi bay qua sẽ dễ phát hiện chim mồi, dễ hạ cánh, không e ngại và nghi ngờ khi sà xuống. Tất cả nh- một nghệ thuật, đòi hỏi sự phán đoán, tính toán, xử lý khéo léo và hợp lý để lừa và dụ đ-ợc chim¹). Mỗi gia đình th-ờng có vài ba cây dùng làm chỗ bẫy chim nh- vậy và đó là sở hữu cha truyền con nối của họ; giá trị của những vị trí đã chọn đ-ợc ấy còn cao hơn cả trâu bò, hầu nh- không bao giờ họ chuyển

¹. Đàn ông Cơ-tu rất giỏi bắt ch-ớc tiếng chim.

nh- ợng cho ng- ời ngoài. Họ coi trọng việc bắt chim nói chung và bắt yểng nói riêng nh- vậy, đặc biệt vì theo tập tục Cơ-tu, thịt chim là món lễ vật không thể thiếu trong quan hệ với thông gia bên nhà trai.

Ngoài ra, vào tháng 2-3, thời kỳ khô hạn, họ cũng lập “trận địa” que nhựa, nh- ng bố trí d- ới suốt nhỏ và nông, để bắt bìm bịp, gà rừng và nhiều loại chim nhỏ xuống uống n- ớc. Họ chọn khúc suối đã cạn nhiều, tìm những vũng còn n- ớc mà chim hay đến, dùng cành cây rập kín, chỉ chừa lại khoảng nhỏ để cắm các que nhựa bẫy chim; nh- vậy, chim khát n- ớc buộc phải sà vào đó và bị sa bẫy.

Một điểm nổi bật khác trong săn bắt của ng- ời Cơ-tu là có truyền thống dụ ong ruồi (*cơ-rót*) để lấy mật và đây cũng là hoạt động th- ờng xuyên trong rừng của đàn ông. Họ dùng rìu đục vào thân cây gỗ một hốc hình chữ nhật đứng để tạo thành tổ cho ong đến ở (chiều cao 30-50 cm, rộng 10-15 cm, sâu 30-40 cm⁽²⁾), cách mặt đất từ 50-60 cm đến d- ới 1 m, miệng hốc đậy kín bằng nắp gỗ, có khoét lỗ cho ong ra vào. Đục xong, phải dọn sạch và đốt lửa bên trong cho thơm tổ, đốt chảy sáp ong cho quyện vào thành tổ, nhằm hấp dẫn ong, tạo cho chúng cảm giác quen thuộc nh- tổ cũ. Những tổ ong nhân tạo kiểu đó cũng là tài sản sở hữu cha truyền con nối. Có những gia đình có trên d- ới 100 tổ, ví dụ ông Cơ-lâu Năm ở thôn Prning (xã Lãng, Tây Giang) hiện có khoảng 100 tổ, trong đó 30 tổ từ đời tr- ớc để lại. Thông th- ờng, mỗi năm khoảng 60-70 % số tổ có ong vào ở. Mùa lấy mật kéo dài từ tháng 5 đến tháng 7. Ngoài ong ruồi, họ còn khai thác mật ong khoái (*ghi dốt*) và mật ong muỗi (*ơ pécét*) từ tổ tự nhiên của chúng trong rừng. Mật ong có giá trị kinh tế cao, theo kể lại thì khoảng những năm 1940-1950 có thể đổi 30 lít mật đ- ọc một con trâu cỡ 7 gang⁽³⁾.

² Nh- ng tránh đục vào lõi của cây, kéo cây bị chết.

³ Ng- ời Cơ-tu th- ờng xác định cỡ lớn của trâu, bò, lợn bằng số gang tay nhiều hay ít. Họ lấy dây cuốn

Tín ng- ỡng và sinh hoạt tôn giáo liên quan việc săn bắt chiếm vị trí quan trọng, nh- ng chủ yếu gắn với ng- ời đàn ông. Điều đó phù hợp với vai trò của săn bắt và vai trò của nam giới trong săn bắt ở xã hội Cơ-tu.

Khi mở đầu mùa săn bắt trong năm, khách tới gia đình có ng- ời đặt bẫy thì phải vào nhà ngay và vào hẳn trong nhà, tránh thập thò, ngấp ngừng ở cửa. Họ muốn ngày này trong làng/trong nhà yên ắng, nếu có mặt ng- ời ngoài sẽ gây ra sự *hrlá*, tức là bị “đạp” (hàm ý khuấy đảo, quấy rầy), khiến cho họ không thu đ- ợc kết quả trong công việc của mình. Do đó, ng- ời vi phạm kiêng cử phải chịu nộp phạt một con gà để làm lễ cúng giải hạn, cầu an.

Ng- ời Cơ-tu quan niệm có *Cơ-mor bar* nh- một vị “thần thú rừng”, là siêu nhiên cai quản/bảo hộ các con vật ở rừng và chi phối kết quả săn bắt của con ng- ời. Họ nói rằng, tên thật của nó là *Jéng adáh* (*adáh* = thú rừng), nh- ng phải gọi tránh thành *Cơ-mor bar*, vì nếu gọi tên thật sẽ bị nó ghét mà không cho săn hay bẫy đ- ợc thú. Nhiều thông tin viên cho hay vị “thần” này ở rừng và mang lối ng- ời phụ nữ vừa đẹp, vừa tốt nét⁽⁴⁾, nh- ng cũng ẩn vô hình cả trong các sọ thú đ- ọc giữ lại sau các cuộc săn bắt. Có chuyện kể nh- sau: X- a, một anh mồ côi đặt thò⁽⁵⁾ để giữ rẫy lúa, nh- ng sáng nào ra rẫy anh ta cũng thấy rẫy đã bị phá, đầy dấu chân lợn rừng để lại trên lối vào rẫy, đi qua chỗ đặt thò. Thấy lạ, một đêm anh ta rình xem sao. Khi đàn lợn kéo nhau vào rẫy, bỗng nhiên có *Jéng adáh* xuất hiện và nhấc dây bẫy lên cho chúng đi qua. Tức quá, anh ta chạy ra hạ dây xuống đúng lúc

một vòng qua nách 2 chân tr- ớc của con vật, rồi dùng gang tay đo chiều dài đoạn dây đó.

⁴ *Cơ-mor* nghĩa là cô gái trẻ, ch- a có chồng con; *bar* là 2, thứ 2.

⁵ Thò (còn gọi là mang cung) là một loại bẫy hoạt động theo nguyên tắc nh- sau: khi con thú đi v- ớng vào dây bẫy giăng ngang lối, khiến cái lẫy đ- ọc nhả ra và làm cho chiếc cần cứng bị uốn cong sẽ bật rất mạnh, đẩy mũi tên lớn bằng loại nứa sắc phóng đi, đâm vào bụng con thú đó.

con lợn lớn vừa tới, nó liền bị mũi thò đâm thủng bụng. Từ đó ng-ời ta biết có *Jêêng adáh/ Cờ-mor bar*. Dân làng Prning ở xã Lãng cũng kể: Ch-a lâu lắm, một lần có ng-ời làng giết đ-ợc con sơn d-ong trong rừng, liền về báo tin cho làng đi khiêng về. Trên đ-ờng đi đến đó, họ nghe thấy từ phía con sơn d-ong vọng lại những tiếng ng-ời nói, khóc, kêu la. Gần tới nơi, họ thấy có bóng ng-ời đang than khóc con vật, rồi bóng ng-ời biến mất. Đó chính là *Jêêng adáh/ Cờ-mor bar*, và họ coi đó cũng nh- một loại “ma”.

Với mục đích săn hoặc bẫy đ-ợc thú, họ thực hiện những nghi thức tôn giáo cầu xin *Cờ-mor bar* phù hộ và xem điềm báo kết quả săn bắt sắp tới. Khi phát hiện có thú xuất hiện, họ chuẩn bị đi săn, nh-ng tr-ớc hết phải tiến hành nghi lễ theo phong tục. Th-ờng thì già làng dùng một con gà để làm lễ tại *g-ol*, cầu *Cờ-mor bar* giúp cho làng săn đ-ợc thú. Khi săn đ-ợc thú về, cũng tại *g-ol*, già làng cầm gạo vừa tung vào con thú và tung lên những sọ thú cũ cài d-ới mái nhà, vừa khấn tạ ơn và xin *Cờ-mor bar* phù hộ cho các lần sau nữa. Sau khi mổ thịt, ng-ời ta lấy mỗi bộ phận của con vật một tí và cho vào một ống tre t-ới, n-óng chín rồi già làng làm lễ. Ông ta cầu khấn đại ý rằng: thịt đã nấu chín, giờ mời *Cờ-mor bar* ăn, hãy cho chúng tôi bắt đ-ợc nhiều thú rừng, nếu sắp tới dân làng bắt đ-ợc nhiều thú thì tôi bỏ ống ra sẽ thấy có nhiều xơ tre t-ớt ra. □ng ta bỏ ống làm đôi cho mọi ng-ời cùng xem có bao nhiêu xơ tre, mỗi cái t-ợng tr-ng cho một chiếc gậy khiêng thú săn đ-ợc. Những ng-ời đàn ông có mặt lúc đó ăn món lễ vật trong ống. Sau đó, già làng ộp 2 nửa ống lại với nhau, vừa giơ lên vừa nói với *Cờ-mor bar*: Nếu đúng là tới đây chúng tôi sẽ săn bắt đ-ợc thú nữa thì hãy báo cho biết qua 2 mảnh ống này. Nói đoạn, ông ta thả rơi xuống sàn nhà: một mảnh úp, một mảnh ngửa và có chòm lên nhau là dấu hiệu tốt, họ sẽ gặp may trong lần đi săn tiếp theo. Theo phong tục, phụ nữ không đ-ợc ăn thịt cúng và thịt đầu của con thú săn. Khi già làng cài

cái sọ lên mặt d-ới của mái sau nhà *g-ol*, ông ta cũng khấn: Tôi treo cái đầu con ... lên đây, *Cờ-mor bar* hãy phù hộ cho chúng tôi đi săn may mắn, bắt đ-ợc nhiều thú. Những chiếc sọ thú đ-ợc vẽ trang trí bằng than củi với 2 lý do: thứ nhất, để *Cờ-mor bar* thấy dân làng tôn trọng mình, nên sẽ vui lòng mà phù hộ theo nguyện vọng của họ; thứ 2, hình x-ong cá hàm ý ma thuật, khiến thú sẽ dễ bị sa bẫy, trúng thò, mắc tên. Có thể kèm theo sọ con thú còn có thanh tre với túm tua xơ dài, có hình con dao, ngọn dao, mũi thò đeo bằng gỗ và điểm xuyết vài nét vẽ than đơn sơ v.v... Tất cả đều nhằm cầu mong săn bắt thu đ-ợc kết quả tốt. Họ cũng tin rằng ma con thú lần quất ở cái sọ trong *g-ol*, sẽ rủ rê những con khác đến, và do đó họ sẽ bắt đ-ợc chúng.

□ thôn Acóp (xã Anông), có lần bỗng d-ng một con b-óm lao vào chết trong bếp lửa trên sàn *g-ol*. Coi đó là điềm lạ, những ng-ời đang ngồi quanh bếp lấy nó ra, vừa xé nhỏ thành nhiều phần vừa chia mỗi phần cho một làng khác và việc chia đó đ-ợc họ nói lên thành lời. Cuối cùng, một cách chủ ý, đến l-ợc Acóp thì không còn phần nào nữa, họ nói rằng thiếu thịt, nên phải đi tìm thịt cho thôn này. Sau đó, họ vào rừng thăm bẫy và đem về đ-ợc con lợn rừng lớn. Họ cho rằng con b-óm đã báo cho họ biết có thú sa bẫy. Và vì vậy họ đã làm một con b-óm gỗ để cúng trong lễ thức tạ ơn *Cờ-mor bar* rồi sau đó treo cùng với sọ con thú kia d-ới mái *g-ol*.

Trong tr-ờng hợp đi săn hay đặt bẫy nhiều ngày mà không đ-ợc thú, ng-ời Cờ-tu cũng làm lễ cầu may tại *g-ol*, bằng cách cho một tí bã r-ợu vào chiếc ống tre nhỏ (gọi là *bha-huól*, hay *-cobhorhuól*), treo vào chỗ cái sọ con thú săn bắt đ-ợc gần đây nhất, và có con gà, cơm nếp, r-ợu để cầu khấn *Cờ-mor bar*. Hôm sau đi săn, nếu đ-ợc thú, họ phải làm lễ mừng và tạ ơn (*bhuóih*), đồng thời xin *Cờ-mor bar* phù hộ để sẽ gặp may mắn nữa. Lễ cúng cũng tổ chức tại *g-ol*, do già

làng chủ trì, có đông dân làng tham dự; lễ vật là gà, r-ọu và com tẻ hay com nếp. Với tr-ờng hợp đi bắt chim vài ba ngày liền không kết quả, họ cũng làm ống - *cobhorhuól* đem buộc d-ới gốc cây đang bầy chim và cúng cầu *Cơ-mor bar*.

Cơ-mor bar không chỉ cai quản chim muông, mà còn chi phối cả cá và ong. Vì thế, năm nào dân làng thấy có vài ba chục tổ ong khoái trở lên, tức là nhiều khác th-ờng, thì đến vụ họ lấy vài tổ về *g-ol* làm lễ cúng cầu *Cơ-mor bar* phù hộ cho họ may mắn, vừa thu đ-ợc nhiều mật, vừa không bị ong đốt và không bị ngã khi trèo cây lấy mật. T-ong tự, mỗi lần làng tổ chức bắt cá ở vực sông suối, đ-ợc vài ba chục gù, khi về đều phải cúng tạ ơn *Cơ-mor bar* tại *g-ol*.

Ng-ời Cơ-tu sử dụng những loại bùa ngải (*zi-n-ou*) khác nhau trong săn bắn. Với họ, có nhiều loại lá cây để làm bùa. Một loại, do lá có lấm chấm, đ-ợc họ liên t-ờng đến những con ong, nên gọi là *zi-n-ou gi-ró* (*gi-ró* = ong khoái), sử dụng với hy vọng bắt đ-ợc nhiều tổ ong khoái trong thời kỳ tháng 5-6. Một loại khác là *zi-n-ou amêr*, gây tác động hấp dẫn đối với con gái, nên có thể dùng trong việc c-ới hỏi. Một loại là *zi-n-ou đọ alo*, dùng với hy vọng để có đ-ợc của cải, sẽ giàu có. Một loại nữa là *zi-n-ou corliah*, th-ờng dùng khi đi bắt chim, nhất là bắt yến.

Cây *corliah* đ-ợc dùng để làm loại bùa ngải vừa nói. Theo ng-ời dân thôn Prning (xã Lăng) cho biết, cây *corliah* to cỡ chiếc đũa, mọc thẳng, màu đỏ, không có lá mà chỉ có lông ở phần ngọn, có thể kiếm đ-ợc ở hang đá hiểm trở trên núi La Pơ thuộc địa phận huyện Nam Giang. Đem cây này về nhào với sáp ong rồi đựng vào chiếc phễu nhỏ đan bằng nan chẻ ra từ đoạn đầu ống tre, để dùng dần. Họ cho hay, nếu đốt lên thì mùi của loại bùa này quyến rũ chim tới; nếu lấy một tí rắc vào vết chân lợn rừng thì vài ngày sau sẽ gặp con lợn đó; thậm chí bùa có thể gây mê và có tác dụng dụ dỗ cả phụ nữ. Quan sát bùa của một ng-ời trong thôn, ngoài que tre có phễu

đựng hỗn hợp sáp ong và *corliah* đó, còn có một cái chân của chim *te-lách* (loại chim hay bắt chuột và chim), một ít râu con chồn *atóc* (loại chồn hay bắt gà, sóc và chuột), một ít lá cây *zi-n-ou adáh* (trông bí mật trong rừng). Tất cả những thứ đó hợp lại đ-ợc gọi là *đông corliah*. Ng-ời ta cất giữ loại bùa này cẩn thận trong ống đựng tên nỏ và mang theo mỗi khi đi săn bắn, với niềm tin rằng nó sẽ giúp săn bắt đ-ợc chim muông.

Sự linh thiêng của *đông corliah* cũng thể hiện cả qua báo mộng tr-ớc hôm đi săn, đ-ợc cho là tín hiệu của *Cơ-mor bar*, ví dụ: mơ thấy *đông ng-ời* nghĩa là sẽ gặp may, mơ thấy ng-ời chết hoặc kiếm đ-ợc khúc gỗ nghĩa là sẽ đ-ợc con thú lớn v.v.. Ng-ời có *đông corliah* năm nào cũng phải cúng *Cơ-mor bar* một lần tr-ớc vụ săn bắt. Lễ cúng tiến hành tại rừng, lễ vật phải có con dơi, con chuột. Hôm đó, ông ta đi vào rừng từ sớm và tối mới về, để tránh gặp phụ nữ, vì sợ bùa ngải sẽ gây ra chuyện trai gái giữa ông ta với ng-ời khác giới gặp trên đ-ờng. Không chỉ thế, việc kiêng gặp phụ nữ khi vào rừng cũng nh- khi từ rừng trở về còn kéo dài cho tới khi ông ta bắt đ-ợc con thú đầu tiên kể từ sau lễ cúng đó.

Những loại cây sử dụng làm bùa ngải chỉ có đàn ông biết và họ th-ờng trồng kín đáo trong rừng. Có loại nh- cây cỏ, có loại lá nh- cây gừng v.v.. Ng-ời ta có thể mua của ng-ời khác: ng-ời bán tách một nhánh đem ra trồng sẵn ở một chỗ khác, năm sau mới dẫn ng-ời mua tới gần đó và chỉ cho anh ta đến đào lấy.

Liên quan tín ng-ỡng trong hoạt động săn bắt của ng-ời Cơ-tu, còn mấy điều đáng nói tới nữa:

Thứ nhất, theo phong tục, khi săn bắt đ-ợc con thú lớn nh- nai, lợn rừng v.v. mang về làng, ng-ời ta đều đánh trống báo tin ở *g-ol*, chẳng hạn con lợn to 4 gang (theo cách tính của ng-ời Cơ-tu) thì gõ 4 hồi. Gõ trống phải đúng kiểu, tuy dồn dập nh-ng đều tiếng; nếu gõ sai lạc, tiếng trống thất th-ờng (gõ *đh-ng pơ-lát*), *Cơ-mor bar*

giận dữ và sẽ không cho thú sa bẫy hay trúng tên. Riêng với con hoẵng (con mang), ng-ời Cơ-tu kiêng gõ trống và tin rằng nếu vi phạm sẽ bị sét đánh. Điều đó đ-ọc giải thích trong câu chuyện cổ nh- sau: X- a, mẹ chồng lợn rừng và mẹ chồng hoẵng ở nhà bế cháu cho lợn rừng và hoẵng đi tuốt lúa. Chiều nào cũng vậy, khi con dâu về, mẹ chồng đều hỏi tình hình thu hoạch. Lợn luôn khoe lúa tuốt đã sắp xong, nhiều thóc lắm, mặc dù thực tế nó l-ời nhác, làm ẩu, tuốt qua quýt, lại để rơi vãi bữa bãi và đem giã gạo nấu ăn hết, trong kho chẳng có bao nhiêu thóc và còn lâu mới tuốt xong rẫy. Trong khi đó, hoẵng ngày nào cũng trả lời rằng mới đ-ọc một ít thóc, mới tuốt đến chỗ cây *chi-vêng*, mặc dù thực tế nó chăm chỉ, tuốt vừa nhanh vừa kỹ, thóc đ-ọc đến đâu phơi khô sấy sạch cất vào kho chu đáo, công việc chẳng mấy nữa thì xong. Hai bà mẹ th-ờng sang nhà nhau chơi và chuyện trò về con dâu của mình. Mẹ chồng lợn ngày nào cũng khoe con dâu mình giỏi giang, cần cù, tuốt sắp hết rẫy lúa rồi, thóc chứa chậ kho. Ng-ọc lại, mẹ chồng hoẵng thì phàn nàn con dâu mình chậm chạp, vụng về, l-ời biếng, tuốt mãi vẫn chỉ mới đến gốc cây *chi-vêng*, thóc đ-ọc chẳng là bao. Một hôm, hoẵng từ rẫy trở về, bà mẹ chồng vẫn nghe nó trả lời nh- tr-ớc, bèn nhiếc mắng thậm tệ, khiến nó tủi cực mà bỏ nhà ra đi. Nó ngoái lại với lời nguyện rằng, sau này mọi ng-ời bắt đ-ọc nó thì đừng có gõ trống gõ chiêng, kéo bị sét đánh chết.

Điều đáng chú ý là, các tộc ng-ời bản địa vùng Tr-ờng Sơn-Tây Nguyên hầu nh- đều có tín niệm t-ợng đối chung về con mang, trong đó có sự liên t-ợng giữa con vật này với năng lửa và hạn hán, hay có thể nói, nó đ-ờng nh- một biểu t-ợng về năng hạn. Còn tiếng trống, có thể coi đó là biểu t-ợng sấm sét. Mối liên hệ có tính thần bí này, liên quan với con mang ở các c- dân bản địa Tr-ờng Sơn-Tây Nguyên, rõ ràng chứa đựng sự lý thú, cần đ-ọc khám phá để hiểu thêm một góc tâm linh cổ truyền khá phổ biến của họ.

Thứ 2, ng-ời Cơ-tu kiêng dùng sòng dao đập vào con thú săn bắt đ-ọc hoặc chặt xuống x-ong thịt của nó (- *ng goong*). Họ cho rằng làm nh- thế là ng-ọc đời, khiến *Cơ-mor bar* nổi giận và không phù hộ nữa. Ng-ời vi phạm điều kiêng cữ này phải tự tay đ- a cho chủ nhà chí ít là một con gà và nói lời xin lỗi, sau đó con gà dùng làm lễ vật cúng tạ lỗi *Cơ-mor bar*.

Thứ 3, về con hổ: X- a kia họ không dám bán hổ. Nếu hổ bị trúng thò, ng-ời chủ bẫy về làng nói nhỏ cho ai đó biết rồi tránh sang làng khác, sau vài ba hôm mới dám trở về nhà. Đ-ọc tin, một ng-ời dũng cảm trong cánh nam giới của làng tới chỗ hổ bị giết, để đóng vai hổ; những ng-ời khác vào rừng sau, mang theo chiêng, trống và họ cử một ng-ời đến gần để hỏi chuyện hổ. Những câu hỏi và lời đáp diễn ra:

- Ông ⁽⁶⁾ làm sao mà chết thế?
- Tôi chết vì bị ngã, do tôi dốt quá.
- Vì sao chết?
- Tôi chết vì tôi ác quá, tôi bắt lợn, bắt bò; tôi chết không phải do ng-ời nhà các anh làm hại đâu.
- Có cho chúng tôi ăn thịt đ-ọc không?
- Đ-ọc thôi.

Sau đó, ng-ời hỏi và ng-ời đáp đều lặng lẽ ra chỗ khác, còn những ng-ời đang chờ đợi phía ngoài thì đeo mặt nạ tiến đến chỗ hổ nằm chết và vừa khua chiêng gõ trống theo nhịp dồn dập, vừa hú hét, nhằm xua đuổi “ma cọp”. Rồi họ đốt lửa thui và làm thịt hổ, nấu n-ớng, nh- ng đồng thời vẫn phải thay phiên nhau gõ trống khua chiêng liên hồi. Già, trẻ, trai, gái cùng nhau ăn thịt hổ tại chỗ, nếu ch- a hết thì ngủ lại để hôm sau ăn tiếp. Khi rủ nhau trở về làng, ng-ời ta nói ng-ọc ý, bởi không dám nói thẳng là đi về, mà phải nói tránh thành ngủ hay ở, tức là nói dối để lừa ma cọp. Họ phân tán ra, rời đi vài ng-ời một, ng-ời dũng cảm đến tr-ớc tiên sẽ rút lui cuối cùng.

⁶ Nh- đã nói, ng-ời Cơ-tu không dám gọi thẳng là hổ, mà th-ờng gọi tránh đi thành “ông” (*abh-ốp*).

X-ong hổ đ-ợc gom cả lại và chôn xuống đất. Khu vực đó trở thành nơi linh thiêng đáng sợ, không ai dám lai vãng. X-ong sợ hổ không đ-ợc đ-a vào cài d-ới mái nhà *g-ol* nh- những con thú khác, bởi họ sợ ma hổ sẽ rủ những con hổ khác về theo!.

Thứ 4, về con trăn: Trong các mô-típ trang trí phong phú ở *g-ol*, một trong những đồ án quen thuộc và phổ biến là hình con trăn tạc nổi trên gỗ. Bao giờ hình trăn cũng đ-ợc tạc thành đôi, một con đực và một con cái, bố cục đối nhau. Trong đời sống, trăn là đối t-ợng săn bắt của ng-ời Cơ-tu. Nh-ng tr-ớc khi thịt con trăn, họ đ-a l-ới dao kê miệng nó và hỏi ý, nếu nó liếm vào dao nghĩa là đồng ý cho giết, và khi đó họ mới dám giết. Sau đó, họ xoa tay vào vùng hậu môn con trăn và giao hẹn rằng nếu mình sẽ có đ-ợc nhiều của cải, giàu có, thì trăn hãy cho 2 cái móc của nó (*cêê bơ-nga*). Đó là 2 cái móc nhỏ bằng x-ong, ẩn bên trong bụng trăn, chiếc màu vàng đ-ợc coi là móc đồng, còn chiếc màu đen là móc sắt. Nếu linh nghiệm, đôi móc sẽ lòi ra cho ng-ời đó. Đêm ấy anh ta xem mộng, thấy tín hiệu tốt về thóc lúa thì đem cát vào kho lúa, thấy hy vọng về của cải (chiêng, công, ché v.v.) thì để trong nhà, bất luận tr-ờng hợp nào nó cũng trở thành vật thiêng từ đó; nh-ng nếu không chiêm bao gì liên quan, nó không còn là đáng quý với anh ta nữa.

Thứ 5, nếu đang đập nắp tổ ong trong rừng mà nghe thấy tiếng sấm đầu năm thì phải tháo ra, hôm sau sẽ đập lại; họ làm nh- thế là để tránh bị “sấm đê” (*grâm cros-tô*)⁽⁷⁾.

* *
*
*
*

Qua những t- liệu trình bày trên, có thể nhận xét mấy điều nh- sau:

- Cùng với lợi ích kinh tế thiết thực, săn bắt đối với ng-ời Cơ-tu là một lĩnh vực hoạt động chứa đựng những ý nghĩa văn hoá sâu sắc và có những tập tục đáng chú ý; thậm chí hoạt động săn bắt thể hiện nh- phạm vi tập tục hay mang tính tập tục. Nó gắn liền với vai trò của ng-ời đàn ông và là một cơ sở quan trọng tạo nên vị trí - u thế của ng-ời đàn ông trong đời sống xã hội cổ truyền Cơ-tu; hay nói cách khác, nó góp phần củng cố vai trò của ng-ời đàn ông trong xã hội phụ hệ Cơ-tu.

- Tín ng-ỡng và sinh hoạt tôn giáo trong săn bắt là một phần quan trọng của đời sống tín ng-ỡng - tôn giáo vạn vật hữu linh của ng-ời Cơ-tu. Điều này phù hợp với nhận xét ở trên, lĩnh vực này cũng thuộc về đàn ông. Điều đặc biệt là, trong tín ng-ỡng cổ truyền Cơ-tu đã xuất hiện một vị “nữ thần” (theo cách diễn đạt của chúng ta) về chim muông trong rừng; thế lực siêu nhiên này có tên gọi là *Cơ-mor bar* và đ-ợc coi là chi phối việc săn bắt của họ. Cho đến nay, ch-a thấy nói tới điều t-ong tự ở những dân tộc bản địa khác ở vùng Tr-ờng Sơn -Tây Nguyên.

- T-ong tự nh- các sinh hoạt tôn giáo gắn với trồng trọt đều nhằm mục đích cầu mùa, nh-ng ở đây những sinh hoạt tôn giáo liên quan việc săn bắt cũng đều nhằm mục đích có đ-ợc thú và chim, nghĩa là săn bắt đạt kết quả. Theo ng-ời Cơ-tu, thu hoạch lúa rẫy và sự no hay đói của họ phụ thuộc vào “thần lúa” (hay “hồn lúa”), còn việc săn bắt trong rừng phụ thuộc vào vị “nữ thần” *Cơ-mor bar*.

- Rõ ràng ngôi nhà chung (*g-ol*) ở mỗi làng Cơ-tu liên quan mật thiết đến việc săn bắn và tín ng-ỡng trong săn bắn, đặc biệt đó là nơi tiến hành những lễ thức quan trọng về săn bắn của

⁷ Ng-ời Cơ-tu nói rằng, nếu chim đang làm tổ hoặc ong vào tổ họ mới đục mà hôm đó có sấm mới thì chúng bỏ đi.

dân làng. Có thể coi g-ol nh- trụ sở phục vụ cho hoạt động săn bắn của dân làng và đây là một cơ sở làm cho nó mang tính chất “nhà của đàn ông” trong xã hội truyền thống Cơ-tu.